

Số: /KH-STTTT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025.

- Kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 – 2025 ở các ngành, các địa phương, xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu về giảm nghèo đã đề ra; đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả và kiến nghị khắc phục những tồn tại, hạn chế để thực hiện tốt Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

- Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững phải được thực hiện thường xuyên, định kỳ 6 tháng, hằng năm, đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết.

- Thu thập, tổng hợp thông tin phải đảm bảo độ chính xác, việc gửi báo cáo về cơ quan phụ trách phải đúng biểu mẫu, đúng thời hạn.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT, THỜI GIAN

1. Nội dung thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (theo Thông tư 06/2022/TT-BTTTT), cụ thể:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.
- Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã.
- Xây dựng, phát triển nền tảng công nghệ cung cấp xuất bản phẩm, báo điện tử.
- Phát triển các nền tảng công nghệ khác phục vụ giảm nghèo về thông tin
- Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông khác để cung cấp nội dung thiết yếu cho xã hội.
- Sản xuất mới các xuất bản phẩm cung cấp nội dung thiết yếu.
- Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng.
- Lựa chọn xuất bản phẩm in để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện

1.1. Cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát: Sở Thông tin và Truyền thông.

1.2. Cơ quan được kiểm tra, giám sát: UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan đến thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

1.3. (a) Nội dung giám sát; (b). Phương pháp giám sát; (c). Các bước giám sát: *Thực hiện theo quy định tại Mục I, Phụ lục I - Thông tư số 10/2022/TT-BLDTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2025.

- Năm 2022: Trong năm 2022 (lịch cụ thể thông báo sau).
- Từ năm 2023 đến năm 2025
 - + Định kỳ 6 tháng, hằng năm;
 - + Đánh giá giữa kỳ thực hiện Dự án tháng 8/2023;
 - + Đánh giá cuối kỳ và cho cả giai đoạn tháng 8 năm 2025;
 - + Đánh giá đột xuất (khi cần thiết).

- Nguồn kinh phí thực hiện theo Quyết định hằng năm của UBND tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát của Sở Thông tin và Truyền thông.
- Tổng hợp kết quả giám sát, đánh giá thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch, các văn bản liên quan và chỉ đạo các phòng chuyên môn của cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đảm bảo theo đúng yêu cầu đề ra.

- Hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã tổ chức thực hiện; có trách nhiệm kiểm tra, giám sát tại các xã, phường, thị trấn đảm bảo theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nhằm tránh lãng phí, trùng chéo với các chương trình khác.

- Xây dựng báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ. *(theo mẫu số 02, Phụ lục II; Biểu số 12, 13 Phụ lục III, Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH).*

- Thực hiện chế độ thu thập thông tin, tổng hợp, báo cáo giám sát định kỳ 6 tháng và hằng năm; báo cáo đánh giá hằng năm, đầu kỳ, giữa kỳ, cuối kỳ về thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức triển khai thực hiện thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 102/KH-STTTT ngày 05/10/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- UBND các huyện, tp;
- Sở LĐTBXH;
- Phòng VHHT các huyện, TP;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Đình Tiến

CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đầu kỳ, giữa kỳ, kết thúc và hằng năm, đột xuất***(thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025)***I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH****1. Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình**

- Đánh giá công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp.
- Đánh giá tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia ở các cấp.
- Đánh giá mức độ đầy đủ, kịp thời của các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình.

2. Công tác quản lý thực hiện Chương trình

- Đánh giá công tác phối hợp giữa các bộ ngành, sở ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.
- Đánh giá tình hình thực hiện công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH**1. Nội dung đánh giá hằng năm**

- a) Đánh giá công tác quản lý chương trình trong năm thực hiện gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.
- b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.
- c) Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hằng năm, giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao.
- d) Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.
- đ) Phương hướng, giải pháp thực hiện năm tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá giữa kỳ chương trình

a) Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: Sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình so với mục tiêu chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 5 năm.

d) Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

đ) Đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình từ thời điểm đánh giá đến năm cuối giai đoạn 5 năm, bao gồm đề xuất điều chỉnh chương trình (nếu có).

3. Nội dung đánh giá kết thúc chương trình

a) Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

b) Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

c) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của chương trình đối với phát triển kinh tế - xã hội; tính bền vững của chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có).

đ) Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có).

4. Nội dung đánh giá đột xuất về chương trình

a) Nội dung quy định tại khoản 1 Mục II này.

b) Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện chương trình, khả năng hoàn thành mục tiêu của chương trình.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

a) Kết quả thực hiện các dự án

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu

c) Việc thiết kế Chương trình

d) Việc bố trí nguồn lực thực hiện

đ) Về tiến độ thực hiện

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, và quản lý Chương trình.
- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình.

IV. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị điều chỉnh mục tiêu và thiết kế

- Đề xuất về điều chỉnh, hoàn thiện nội dung các dự án thuộc Chương trình trên các phương diện: mục tiêu, đối tượng thụ hưởng của dự án, các hoạt động dự án, cơ chế thực hiện, nguồn vốn, các đầu ra của dự án;
- Đề xuất về đối tượng hưởng lợi của Chương trình (cách xác định đối tượng, các đối tượng cần bổ sung...).

2. Đề xuất bố trí vốn và cơ chế huy động vốn

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp bố trí và phân bổ vốn đảm bảo đủ và kịp thời lượng vốn cho thực hiện Chương trình.
- Đề xuất về cơ chế quản lý tài chính phù hợp để thúc đẩy tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình.

3. Đề xuất về chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình

- Đề xuất hoàn thiện cơ chế chỉ đạo, điều hành và phối kết hợp của các Bộ, ngành, sở ngành và các cấp trong triển khai thực hiện Chương trình.
- Đề xuất về hoàn thiện cách thức tổ chức, quản lý thực hiện Chương trình (hệ thống tổ chức quản lý: nhân lực, bộ máy, trang thiết bị, chế độ chính sách; công tác kiểm tra và giám sát, đánh giá...).
- Đề xuất khen thưởng các địa phương có kết quả xuất sắc trong tổ chức thực hiện Chương trình; các mô hình cần nhân rộng.

Nơi nhận:

- ...

- ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU

**Thực hiện thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc
Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện		Ghi chú
				Đến thời điểm Báo cáo	% so với kế hoạch đề ra	
1		2	3	4	5=4/3	6
	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin					
I	Giảm nghèo về thông tin					
1	Tổng ngân sách, trong đó:	Triệu đồng				
1,1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1,2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1,3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	Kết quả thực hiện					
2,1	Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin, tuyên truyền					
2.1.1	Số lượng lớp	Lớp				
2.1.2	Số lượng cán bộ	Cán bộ				
2,2	Phát triển các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại					
2.2.1	Thiết lập mới Cụm thông tin điện tử	Cụm				
2.2.2	Nâng cấp Cụm thông tin điện tử	Cụm				
2,3	Thiết lập mới, nâng cấp đài truyền thanh xã ở các xã					
2.3.1	Đầu tư thiết lập mới đài truyền thanh xã	Đài				
2.3.2	Nâng cấp, mở rộng đài truyền thanh xã	Đài				

2,4	Tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội					
2.4.1	Sản xuất mới các tác phẩm báo chí và các sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội					
<i>a</i>	Các chương trình phát thanh, truyền hình. Trong đó:					
	- Số lượng chương trình phát thanh	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình	Chương trình				
<i>b</i>	Đối với báo in					
	- Số lượng ấn phẩm	Sản phẩm				
	- Số lượng tờ phát hành	Tờ				
<i>c</i>	Đối với báo điện tử					
	- Số lượng bài/ảnh	bài/ảnh				
	- Số lượng file điện tử	(audio/video)				
	- Các hình thức khác					
<i>d</i>	Đối với sản phẩm truyền thông đăng tải trên mạng internet, mạng xã hội (ghi chi tiết sản phẩm)					
2.4.2	Sản xuất các xuất bản phẩm mới, trong đó:					
<i>a</i>	Đối với xuất bản phẩm in					
	- Số đầu sách	đầu sách				
	- Số lượng sách	cuốn				
<i>b</i>	Đối với xuất bản phẩm điện tử					
	- Sách điện tử thông thường	Tác phẩm				
	- Sách nói.	Tác phẩm				
	- Sách Multimedia.	Tác phẩm				
	- Sách tóm tắt	Tác phẩm				
2.4.3	Lựa chọn tác phẩm báo chí có nội dung thiết yếu, có giá trị phổ biến lâu dài để chuyển sang định dạng số và phát hành trên không gian mạng					

	- Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm				
	- Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm				
2.4.4	Lựa chọn xuất bản phẩm in đã xuất bản qua các thời kỳ có giá trị về nội dung và có ý nghĩa lâu dài để xuất bản dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử					
	- Số lượng sách điện tử đơn giản	Tác phẩm				
	- Số lượng sách nói	Tác phẩm				
	- Số lượng Sách Multimedia	Tác phẩm				
2.4.5	Các sản phẩm truyền thông khác					
2.5.	Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn					
	- Tiếp nhận các xuất bản phẩm, báo chí in từ Dự án và các chương trình, đề án khác để phục vụ nhân dân trên địa bàn					
+	Số lượng xuất bản phẩm					
	Số đầu sách	đầu sách				
	Số lượng sách	cuốn				
+	Số lượng báo in					
	Số lượng tác phẩm báo in	Tác phẩm				
	Số lượng tác phẩm tạp chí in	Tác phẩm				
-	Phục vụ (miễn phí) người dân đọc, sách, báo, tạp chí (bao gồm xuất bản phẩm điện tử và báo điện tử)					
	Hệ thống trang thiết bị : bàn, ghế, tủ, kệ, thống chiếu sáng, quạt điện phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thuận lợi	Bộ				
-	Cung cấp dịch vụ phục vụ truy nhập internet bằng rộng để người dân khai thác các thông tin thiết yếu, đọc các xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến					
	Số lượng máy tính truy cập internet phục vụ người dân đọc, sách, báo, tạp chí điện tử, sử dụng dịch vụ	Máy				

	<i>công trực tuyến</i>					
II	Truyền thông về giảm nghèo đa chiều					
1	Tổng ngân sách, trong đó:					
1.1	Ngân sách trung ương					
1.2	Ngân sách địa phương					
1.3	Huy động nguồn khác					
2	Kết quả thực hiện					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện					
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				

	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ <i>Số cuộc đối thoại (theo các cấp)</i>	Đối thoại				
	+ <i>Số người tham gia đối thoại</i>					